

Bản án số: 936/2024/DS-ST
Ngày: 30-9-2024
V/v: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Túy Phượng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Ngọc
2. Bà Nguyễn Phước Trinh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tâm – Cán bộ Toà án nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Cử Chi tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Diệu – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cử Chi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 341/2023/TLST-DS ngày 19 tháng 6 năm 2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 501/2024/QĐXXST-DS ngày 14/8/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 606/2024/QĐST-DS ngày 05/9/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn Q.

Địa chỉ trụ sở: Tầng 2, Số 81, đường CMTT, phường BT, Quận X, Thành phố H.

Địa chỉ liên lạc: Số 103, đường BTX, Phường D, quận TB, Thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông KV, chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Mai Thị L, chức vụ: Nhân viên pháp chế.

Địa chỉ liên lạc: Số 261-263, đường PXL, Phường A, quận PN, Thành phố H. (Theo Văn bản ủy quyền số: 09/2024/POA ngày 01/6/2024)

2. Bị đơn: Ông Ngô Tấn Đ, sinh năm 1973

Địa chỉ: Số 63, đường Kênh B, Tổ C, ấp TT, xã TAH, huyện CC, Thành phố H. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo Đơn khởi kiện đề ngày 18 tháng 5 năm 2023 và bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn Q có người đại diện theo ủy quyền bà Mai Thị L trình bày:

Ngày 09/9/2022, Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên tài chính P (nay đổi tên thành Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên S) đã ký bán nợ cho Công ty Q theo Hợp đồng mua bán nợ số 395-0922/COLLECTION-SVFC. Theo thỏa thuận, Công ty S đã chuyển nhượng nợ cho Công ty Q trong danh sách nợ có khách hàng là ông Ngô Tấn Đ. Ông Đ có ký Hợp đồng tín dụng cá nhân số 10507214 ký ngày 03/9/2013, trong Hợp đồng tín dụng cá nhân số 10507214 ngày 03/9/2013, các bên đã thỏa thuận mức vay 33.000.000đ (Ba mươi ba triệu đồng), lãi suất (tính trên dư nợ giảm dần) 39%/năm thời hạn vay 48 tháng, thỏa thuận lãi suất theo phụ lục của hợp đồng kèm theo: lãi phạt: bằng 150% của lãi suất; nợ gốc và nợ lãi được trả thành 48 kỳ; phương thức vay: tín chấp, không có tài sản bảo đảm. Sau khi hợp đồng mua bán nợ được ký kết, Công ty Q có toàn quyền thu hồi khoản nợ theo quy định của pháp luật với số tiền ông Đ còn nợ là 19.154.600đ (Mười chín triệu một trăm năm mươi bốn nghìn sáu trăm đồng).

Sau khi mua nợ lại, Công ty Q cũng có liên lạc với ông Đ để xử lý nợ vay tuy nhiên không liên lạc được với ông Đ. Đến thời điểm hiện nay bị đơn thể hiện việc thiếu hợp tác trong quá trình làm việc, chậm trả nợ và trì hoãn việc thực hiện các nghĩa vụ. Do đó, Công ty Q khởi kiện yêu cầu ông Đ trả số tiền gốc đã vay theo Hợp đồng tín dụng cá nhân số 10507214 ký ngày 03/9/2013 là 19.154.600đ (Mười chín triệu một trăm năm mươi bốn nghìn sáu trăm đồng); lãi trong hạn tạm tính từ ngày 01/3/2016 đến ngày 01/9/2017 là 11.827.966đ (Mười một triệu tám trăm hai mươi bảy nghìn chín trăm sáu mươi sáu đồng); lãi quá hạn tạm tính đến ngày 01/10/2017 đến ngày 30/9/2024 là 78.438.087đ (Bảy mươi tám triệu bốn trăm ba mươi tám nghìn không trăm tám mươi bảy đồng). Tổng cộng ông Đ phải trả cho nguyên đơn là 109.420.653đ (Một trăm lẻ chín triệu bốn trăm hai mươi nghìn sáu trăm năm mươi ba đồng), đồng thời ông Đ còn phải chịu lãi suất phát sinh do chưa thanh toán hết nợ cho Công ty Q.

Nguyên đơn xin rút lại yêu cầu về chi phí khởi kiện yêu cầu thanh toán nợ là 5.323.000đ (Năm triệu ba trăm hai mươi ba nghìn đồng).

Do khi ông Đ vay không có vợ của ông Đ đứng vay chung nên nguyên đơn chỉ yêu cầu cá nhân ông Đ có trách nhiệm trả tiền mà không yêu cầu vợ ông Đ có nghĩa vụ liên đới trả tiền.

- Bị đơn ông Ngô Tấn Đ: Ông Đ đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và cũng không nộp văn bản trình bày ý kiến của mình.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm đối với vụ án như sau:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của pháp luật. Tuy nhiên, vi phạm thời hạn chuẩn bị xét

xử nhưng không làm ảnh hưởng đến tính khách quan, đúng đắn trong việc giải quyết vụ án.

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Công ty trách nhiệm hữu hạn Q yêu cầu ông Đ trả số tiền gốc đã vay theo Hợp đồng tín dụng cá nhân số 10507214 ký ngày 03/9/2013 với Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên tài chính P (Ngày 09/9/2022 đã chuyển nhượng Hợp đồng tín dụng cá nhân số 10507214 cho Công ty Q) là 19.154.600đ (Mười chín triệu một trăm năm mươi bốn nghìn sáu trăm đồng); lãi trong hạn 11.827.966đ (Mười một triệu tám trăm hai mươi bảy nghìn chín trăm sáu mươi sáu đồng); lãi quá hạn tạm tính đến ngày 01/10/2017 đến ngày 30/9/2024 là 78.438.087đ (Bảy mươi tám triệu bốn trăm ba mươi tám nghìn không trăm tám mươi bảy đồng). Tổng cộng ông Đ phải trả cho nguyên đơn là 109.420.653đ (Một trăm lẻ chín triệu bốn trăm hai mươi nghìn sáu trăm năm mươi ba đồng), đồng thời ông Đ còn phải chịu lãi suất phát sinh do chưa thanh toán hết nợ cho Công ty.

Căn cứ Hợp đồng tín dụng cá nhân số 10507214 ngày 03/9/2013 thể hiện ông Đ có vay số tiền cho vay: 33.000.000đ (Ba mươi ba triệu đồng); Mục đích vay: Vay tiêu dùng; Ngày rút vốn: 03/09/2013; Thời hạn vay: 48 tháng; Lãi suất: 39.0%/năm; Lãi phạt: Bằng 150% của lãi suất; Nợ gốc và nợ lãi được trả thành: 48 kỳ; Phương thức vay: tín chấp, không có tài sản bảo đảm.

Tại thời điểm ký kết Hợp đồng, các bên có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, việc ký kết hợp đồng và các thủ tục vay vốn tại Công ty là hoàn toàn tự nguyện, các thỏa thuận có nội dung và mục đích để thực hiện nhu cầu mỗi bên, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Quá trình thực hiện hợp đồng Công ty đã giải ngân cho ông Đ số tiền như thỏa thuận, tuy nhiên ông Đ không thực hiện nghĩa vụ thanh toán đúng hạn vi phạm nghĩa vụ trả nợ đã thỏa thuận theo Hợp đồng.

Xét thấy ông Ngô Tấn Đ có ký kết hợp đồng tín dụng và đã nhận đủ số tiền vay từ Công ty nhưng không tiếp tục trả số tiền còn nợ là vi phạm nghĩa vụ đã cam kết. Do đó, căn cứ các điều 116, 117, 118, 119, 274, 275, 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015, yêu cầu của Công ty Q buộc ông Đ phải trả số tiền gốc và lãi tính đến 30/9/2024 tổng cộng là 109.420.653đ (Một trăm lẻ chín triệu bốn trăm hai mươi nghìn sáu trăm năm mươi ba đồng), cùng với số tiền lãi phát sinh đến khi ông Đ hoàn tất nghĩa vụ thanh toán là có cơ sở chấp nhận.

Xét thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với chi phí khởi kiện yêu cầu thanh toán nợ là 5.323.000đ (Năm triệu ba trăm hai mươi ba nghìn đồng) là tự nguyện, do đó, căn cứ điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn.

Bởi các lẽ trên, đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 116, 117, 118, 119, 274, 275; Điều 463; Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn và đình chỉ xét xử đối với yêu cầu về chi phí khởi kiện của nguyên đơn.

Về án phí: Ông Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Đây là tranh chấp dân sự về việc yêu cầu trả tiền nợ đã vay theo hợp đồng tín dụng các bên đã ký kết, bị đơn vay tiền không có mục đích lợi nhuận nên căn cứ khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì quan hệ tranh chấp trong vụ kiện này là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn hiện đang cư trú tại xã TAH, huyện CC, Thành phố H nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

[3] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý thông báo hòa giải; thông báo kết quả mở phiên họp, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, tổng đạt Quyết định đưa vụ án xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa, thông báo kết quả mở phiên họp nhưng suốt quá trình giải quyết vụ án đều vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[4.1] Về quyền khởi kiện: Ngày 09/9/2022, Công ty S ký kết Hợp đồng mua bán nợ số 395-0922/COLLECTION-SVFC với Công ty Q. Theo thỏa thuận, Công ty S đã chuyển nhượng Hợp đồng tín dụng số 10694918 cho Công ty Q. Như vậy, Công ty S đã chuyển giao quyền yêu cầu ông Đ phải thanh toán nợ cho Công ty Q nên Công ty Q có quyền khởi kiện yêu cầu ông Đ phải trả nợ cho mình là đúng theo quy định tại Điều 365 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4.2] Về nội dung khởi kiện:

[4.2.1] Nguyên đơn xin rút lại yêu cầu về chi phí khởi kiện yêu cầu thanh toán nợ là 5.323.000đ (Năm triệu ba trăm hai mươi ba nghìn đồng). Do đó, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử yêu cầu về chi phí khởi kiện yêu cầu thanh toán nợ của nguyên đơn là phù hợp.

[4.2.2] Công ty Q vẫn giữ yêu cầu khởi kiện buộc ông Đ trả số tiền gốc đã vay theo Hợp đồng tín dụng cá nhân số 10507214 ký ngày 03/9/2013 là 19.154.600đ (Mười chín triệu một trăm năm mươi bốn nghìn sáu trăm đồng); lãi trong hạn tạm tính từ ngày 01/3/2016 đến ngày 01/9/2017 là 11.827.966đ (Mười một triệu tám trăm hai mươi bảy nghìn chín trăm sáu mươi sáu đồng); lãi quá hạn tạm tính đến ngày 01/10/2017 đến ngày 30/9/2024 là 78.438.087đ (Bảy mươi tám triệu bốn trăm ba mươi tám nghìn không trăm tám mươi bảy đồng). Tổng cộng ông Đ phải trả cho nguyên đơn là 109.420.653đ (Một trăm lẻ chín triệu bốn trăm hai mươi nghìn sáu trăm năm mươi ba đồng), đồng thời ông Đ còn phải chịu lãi suất phát sinh do chưa thanh toán hết nợ cho Công ty Q.

Xét thấy, ngày 03/9/2013 ông Ngô Tấn Đ và Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên tài chính P (nay đổi tên thành Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn một

thành viên S) đã ký kết Hợp đồng tín dụng cá nhân số 10507214, thông tin chi tiết của khoản vay như sau: Số tiền cho vay 33.000.000đ (Ba mươi ba triệu đồng); mục đích vay: Vay tiêu dùng; ngày rút vốn: 03/9/2013; thời hạn vay: 48 tháng; lãi suất 39%/năm; lãi phạt: bằng 150% của lãi suất; nợ gốc và nợ lãi được trả thành 48 kỳ; phương thức vay: tín chấp, không có tài sản bảo đảm.

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng, ông Đ đã nhận đủ số tiền vay là 33.000.000đ (Ba mươi ba triệu đồng) với hình thức được chuyển khoản vào tài khoản số 19026167620019, chủ tài khoản Ngô Tấn Đ, Ngân hàng Techcombank và đồng thời ông Đ có ký xác nhận nợ vay trong Giấy nhận nợ ngày 03/9/2013. Sau đó, ông Đ đã tiến hành giao dịch rút tiền vay vào ngày 03/9/2013. Từ ngày 01/10/2013 đến ngày 01/01/2016, ông Đ có chuyển khoản trả được một khoản tiền nhưng sau đó ông Đ không tiếp tục trả nữa.

Xét thấy, việc ký kết hợp đồng tín dụng vay tiền giữa các bên đương sự là hoàn toàn tự nguyện, nội dung thỏa thuận trong hợp đồng không trái quy định của luật, không trái đạo đức xã hội nên hợp đồng tín dụng có hiệu lực và được pháp luật công nhận, bảo vệ. Theo thỏa thuận trong hợp đồng thì ông Đ có trách nhiệm trả nợ số tiền cả gốc và lãi trên số tiền cho vay. Tuy nhiên, kể từ ngày 01/3/2016 cho đến nay ông Đ không thanh toán thêm bất cứ khoản nào nên đã vi phạm hợp đồng, vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Do đó, căn cứ Điều 280, 466 của Bộ luật dân sự, Điều 90, 91, 95, 108 Luật các tổ chức tín dụng, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn có trách nhiệm trả tiền vay và lãi phát sinh là có cơ sở chấp nhận.

Xét thấy ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên Tòa về việc giải quyết vụ án là hoàn toàn phù hợp quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi

[5] Về nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm: Do chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải thanh toán cho nguyên đơn theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và Luật phí và lệ phí, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; buộc bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm là 5.471.033đ (Năm triệu bốn trăm bảy mươi một nghìn không trăm ba mươi ba đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147, 227, 235, 271, 272, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 280, 365, 463, 466 của Bộ luật dân sự; Căn cứ Điều 90, 91, 95, 108 Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn Q, buộc ông Ngô Tấn Đ phải có trách nhiệm trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn Q số tiền gốc 19.154.600đ (Mười chín triệu một trăm năm mươi bốn nghìn sáu trăm đồng); lãi trong hạn tạm tính từ ngày 01/3/2016 đến ngày 01/9/2017 là 11.827.966đ (Mười một triệu tám trăm hai mươi bảy nghìn chín trăm sáu mươi sáu đồng); lãi quá hạn tạm tính từ ngày 01/10/2017 đến ngày 30/9/2024 là 78.438.087đ (Bảy mươi tám triệu bốn trăm ba mươi tám nghìn không trăm tám mươi bảy đồng), tổng cộng ông Đ phải trả là 109.420.653đ (Một trăm lẻ chín triệu bốn trăm hai mươi nghìn sáu trăm năm mươi ba đồng), trả ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, ông Ngô Tấn Đ còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Công ty cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Công ty cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Công ty cho vay.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Đ phải nộp 5.471.033đ (Năm triệu bốn trăm bảy mươi một nghìn không trăm ba mươi ba đồng).

Hoàn lại cho Công ty trách nhiệm hữu hạn Q tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 2.641.036đ (Hai triệu sáu trăm bốn mươi một nghìn không trăm ba mươi sáu đồng) theo Biên lai thu số 0017709 ngày 19/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND H. Củ Chi;
- THADS H. Củ Chi;
- Đường sự;
- Lưu: VP, hồ sơ

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Túy Phượng

